

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/DS-ST.

Ngày: 27-5-2022.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Đoàn Văn Vui**.

+ Ông **Nguyễn Phước Bình**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Quỳnh Như** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2022 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 161/2022/TB-TA ngày 09 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Văn N** - Sinh năm: 1972, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Phan Văn D** - Sinh năm: 1989, địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện G, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T** - Sinh năm: 1972, địa chỉ: Ấp H, xã I, huyện G, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Võ Văn U** - Sinh năm: 1971, Ấp H, xã I, huyện G, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 12 năm 2021, bản khai ngày 16 tháng 02 năm 2022, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2014, ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị T có thỏa thuận miệng về việc mua bán thức ăn chăn nuôi gia súc, theo đó ông N sẽ cung cấp thức ăn chăn nuôi gia súc cho bà T, ông U chăn nuôi heo, khi heo xuất chuồng (bán heo) thì bà T, ông U phải trả tiền mua thức ăn cho ông N.

Tháng 12 năm 2017 hai bên chấm dứt việc mua bán do bà T, ông U không thanh toán đủ tiền mua thức ăn chăn nuôi như đã thỏa thuận và còn nợ lại ông N số tiền là 365.041.000VNĐ (ba trăm sáu mươi lăm triệu không trăm bốn mươi một ngàn đồng). Từ tháng 12 năm 2017 cho đến tháng 4 năm 2019 bà T, ông U có trả cho ông N được 30.000.000VNĐ (ba mươi triệu đồng). Ngày 16 tháng 4 năm 2019, hai bên tổng kết nợ và bà T ký xác nhận còn nợ ông N số tiền là 335.041.000VNĐ (ba trăm ba mươi lăm triệu không trăm bốn mươi một ngàn đồng). Tháng 5 năm 2019, ông N khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc thì bà T, ông U có hứa là sẽ trả trước 30.000.000VNĐ (ba mươi triệu đồng), phần còn lại mỗi tháng sẽ trả ít nhất là 3.000.000VNĐ (ba triệu đồng) nhưng mỗi năm phải trả đủ 60.000.000VNĐ (sáu mươi triệu đồng) cho đến khi trả hết nợ. Ngày 26/6/2019, ông N rút đơn khởi kiện, bà T, ông U có trả cho ông N 20.000.000VNĐ (hai mươi triệu đồng), sau đó thì không có trả cho ông N khoảng tiền nào nữa.

Nay, ông N khởi kiện yêu cầu bà T, ông U có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi gia súc còn nợ là 315.041.000VNĐ (ba trăm mười lăm triệu không trăm bốn mươi một ngàn đồng) và yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất là 10%/năm kể từ ngày 26/6/2019 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại bản tự khai ngày 16 tháng 02 năm 2022, bị đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà đồng ý với lời trình bày của nguyên đơn về việc mua bán thức ăn chăn nuôi gia súc. Do dịch bệnh, heo bị chết hết nên bà mới không trả được tiền cho ông N. Bà T thừa nhận là đến hiện nay bà và ông U còn thiếu ông N số tiền mua thức ăn chăn nuôi gia súc là 315.041.000VNĐ (ba trăm mười lăm triệu không trăm bốn mươi một ngàn đồng), vì hoàn cảnh gia đình của bà có nhiều khó khăn, việc chăn nuôi bị thua lỗ nên bà yêu cầu được trả dần hàng tháng với mức là 1.000.000đồng/tháng và yêu cầu không phải trả lãi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Võ Văn U vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của ông về các vấn đề có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn là bà T thừa nhận là

cho đến hiện nay bà và ông U còn nợ lại ông N số tiền là 315.041.000VNĐ (ba trăm mười lăm triệu không trăm bốn mươi một ngàn đồng), bà T yêu cầu được trả dần hàng tháng với mức là 1.000.000đồng/tháng và yêu cầu không phải trả tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ông Trần Văn N có đơn khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị T có địa chỉ tại ấp H, xã I, huyện G, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phan Văn D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Võ Văn U vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D, ông U là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Lời trình bày của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc mua bán thức ăn chăn nuôi gia súc và số tiền bà T, ông U còn nợ đã được bà T thừa nhận và phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở xác định được: Hiện nay bà T, ông U còn nợ ông N số tiền mua thức ăn chăn nuôi gia súc là 315.041.000VNĐ (ba trăm mười lăm triệu không trăm bốn mươi một ngàn đồng) nên bà T, ông U phải có nghĩa vụ trả cho ông N số tiền này.

[4] Tại đơn khởi kiện nguyên đơn có yêu cầu bà T, ông U phải trả tiền lãi với mức lãi suất là 10%/năm kể từ ngày 26/6/2019 cho đến khi xét xử sơ thẩm, tuy nhiên tại Đơn xin vắng mặt ngày 17/3/2022 (bút lục số 32) người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã rút một phần nội dung khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi. Việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà T, ông U phải trả tiền lãi là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Bà T yêu cầu được trả nợ theo phương thức là trả hàng tháng với mức là 1.000.000đồng/tháng nhưng nguyên đơn không đồng ý, trong khi đó khoản nợ nêu trên đã đến hạn trả và bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào cho thấy giữa hai bên có thỏa thuận là bà được trả khoảng nợ 315.041.000VNĐ (ba trăm mười lăm triệu không trăm bốn mươi một ngàn đồng) nêu trên theo phương thức trả dần hàng tháng với mức 1.000.000đồng/tháng hay được trả nhiều lần nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của bà T.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của ông N được chấp nhận nên ông N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà T, ông U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% của số tiền phải trả cho ông N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 357, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N. Cụ thể:

1/ Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn U có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Văn N số nợ gốc là 315.041.000VNĐ (ba trăm mười lăm triệu không trăm bốn mươi một ngàn đồng). Ghi nhận việc ông Trần Văn N không yêu cầu bà Nguyễn Thị T, ông Võ Văn U trả tiền lãi.

2/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1) Hoàn trả lại cho ông Trần Văn N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 9.845.000VNĐ (chín triệu tám trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004891 ngày 21/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

3.2) Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn U có nghĩa vụ liên đới nộp 15.752.000đ (mười lăm triệu bảy trăm năm mươi hai ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

5/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mô Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện G;
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên